BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

HUYỆN TIÊN LỮ - TỈNH HƯNG YÊN

HUYỆN ÂN THI

HUYỆN KIM ĐỘNG

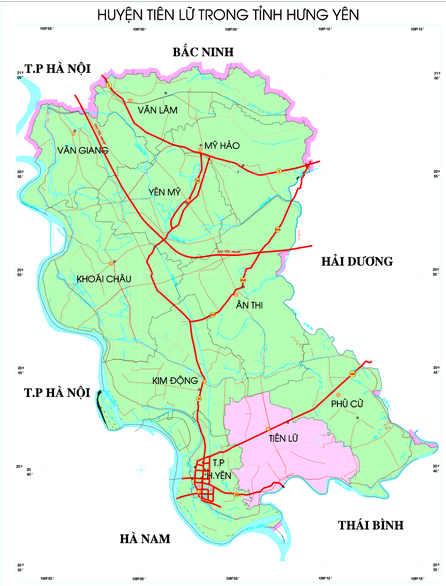
HUYỆN PHÙ CỪ

THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

TỈNH THÁI BÌNH

HUYỆN TIÊN LỮ TRONG TỈNH HƯNG YÊN



CHÚ DẪN

TT	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
1	Địa giới hành chính huyện		
2	Địa giới hành chính huyện chưa xác định		
3	Địa giới hành chính xã		
4	Trụ sở Uỷ Ban Nhân Dân huyện		
5	Trụ sở Uỷ Ban Nhân Dân xã		
6	Đình, chùa, miếu, đền - Nhà thờ		
7	Đài phát thanh, truyền hình- Sân vận động		
8	Trường học - Bệnh viện, trạm xá		
9	Bưu điện - Trạm bơm - Cầu		
10	Đường quốc lộ	QL	QL
11	Đường tỉnh lộ	ĐT376	ĐT376
12	Đường huyện lộ	ĐH 82	ĐH 82
13	Đường liên xã		
14	Đường thôn xóm		
15	Đường mòn		
16	Hồ, ao, sông, suối		
17	Kênh, mương		
18	Đường điện cao thế		

CHÚ DẪN

TT	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU TỈNH PHÂN BỔ	KÝ HIỆU HUYỆN XÁC ĐỊNH	KÝ HIỆU KẾ HOẠCH NĂM 2018
19	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC			
20	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	HNK	LUC HNK	LUC HNK	LUC 2018 HNK (DT/HA)
21	Đất trồng cây lâu năm	CLN	LUC CLN	LUC CLN	LUC 2018 CLN (DT/HA)
22	Đất chuyên nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt	NTS	LUC NTS	LUC NTS	LUC 2018 NTS (DT/HA)
23	Đất nông nghiệp khác	NKH	LUC NKH	LUC NKH	LUC 2018 NKH (DT/HA)
24	Đất ở tại nông thôn	ONT	LUC ONT	LUC ONT	LUC 2018 ONT (DT/HA)
25	Đất ở tại đô thị	ODT	LUC ODT	LUC ODT	LUC 2018 ODT (DT/HA)
26	Đất trụ sở cơ quan, tổ chức	CTS	LUC CTS	LUC CTS	LUC 2018 CTS (DT/HA)
27	Đất quốc phòng	CQP	LUC CQP	LUC CQP	LUC 2018 CQP (DT/HA)
28	Đất an ninh	CAN	LUC CAN	LUC CAN	LUC 2018 CAN (DT/HA)
29	Đất khu công nghiệp	SKK	LUC SKK	LUC SKK	LUC 2018 SKK (DT/HA)
30	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	LUC SKC	LUC SKC	LUC 2018 SKC (DT/HA)
31	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	LUC SKX	LUC SKX	LUC 2018 SKX (DT/HA)
32	Đất giao thông	DGT	LUC DGT	LUC DGT	LUC 2018 DGT (DT/HA)
33	Đất thuỷ lợi	DTL	LUC DTL	LUC DTL	LUC 2018 DTL (DT/HA)
34	Đất công trình năng lượng	DNL	LUC DNL	LUC DNL	LUC 2018 DNL (DT/HA)
35	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	LUC DBV	LUC DBV	LUC 2018 DBV (DT/HA)
36	Đất cơ sở văn hoá	DVH	LUC DVH	LUC DVH	LUC 2018 DVH (DT/HA)
37	Đất cơ sở y tế	DYT	LUC DYT	LUC DYT	LUC 2018 DYT (DT/HA)
38	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	LUC DGD	LUC DGD	LUC 2018 DGD (DT/HA)
39	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	LUC DTT	LUC DTT	LUC 2018 DTT (DT/HA)
40	Đất chợ	DCH	LUC DCH	LUC DCH	LUC 2018 DCH (DT/HA)
41	Đất có di tích danh thắng	DDT	LUC DDT	LUC DDT	LUC 2018 DDT (DT/HA)
42	Đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại	DRA	LUC DRA	LUC DRA	LUC 2018 DRA (DT/HA)
43	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TIN	LUC TIN	LUC TIN	LUC 2018 TIN (DT/HA)
44	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	LUC NTD	LUC NTD	LUC 2018 NTD (DT/HA)
45	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC			
46	Đất bằng chưa sử dụng	BCS			

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	SỞ TN VÀ MT TỈNH HƯNG YÊN	UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ	TRUNG TÂM KỸ THUẬT TN VÀ MT HƯNG YÊN
Hưng Yên , ngày..... tháng..... năm 201...	*Hưng Yên , ngày..... tháng..... năm 201...*	*Tiên Lữ, ngày..... tháng..... năm 201...*	*Hưng Yên , ngày..... tháng..... năm 201...*

NGUỒN TÀI LIỆU:
Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của huyện
Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020
Bản đồ kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2017
Bản đồ địa chính chính quy năm 2012 (Dự án VLAP)

TỈ LỆ 1:10 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG:
Trung tâm kỹ thuật TN & MT Hưng Yên